

Số: /KH-SYT

Gia Lai, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Gia Lai năm 2025

Thực hiện Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Thông tư quy định Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Gia Lai năm 2025 như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược;

Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

Thông tư số 05/2018/TT-BNV ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Bộ Y tế về sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư số 03/2022/TT-BYT;

Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, thi hoặc xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ;

Thông tư số 26/2022/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội;

Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức (Thông tư số 001/2025/TT-BNV);

Công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ; Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc tạm giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền của tỉnh Gia Lai và biên chế cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025; Công văn số 132/SNV-TCBC ngày 11 tháng

7 năm 2025 của Sở Nội vụ về việc quản lý, sử dụng biên chế và số lượng người làm việc năm 2025;

Quyết định số 1635/QĐ-SYT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về việc tạm giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế năm 2025; Quyết định 1966/QĐ-SYT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế năm 2025; Quyết định 1970/QĐ-SYT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế năm 2025;

Đề án vị trí việc làm của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Công văn số 508/SNV-CCVC ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Sở Nội vụ về việc đánh giá kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong tuyển dụng viên chức;

Công văn số 2040/SNV-CCVC ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Sở Nội vụ về việc phúc đáp công văn số 1740/SYT-TCCB ngày 21/8/2025 của Sở Y tế;

Các văn bản khác có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức nhằm bảo đảm đủ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với chỉ tiêu biên chế được giao và kế hoạch tinh giản biên chế của ngành Y tế đến năm 2025.

Tuyển chọn những người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm để bổ sung nguồn nhân lực cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Yêu cầu

Tổ chức tuyển dụng viên chức nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật hiện hành;

Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan;

Đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng;

Đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm;

Mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều được quyền tham gia dự tuyển;

Tuyển chọn đúng vị trí việc làm, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác theo yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng.

3. Phạm vi áp dụng

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế (trừ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: Bệnh viện Đa khoa Trung tâm; Bệnh viện Đa khoa khu vực Bông Sơn; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Đa khoa Gia Lai; Bệnh viện Nhi).

III. NHU CẦU TUYỂN DỤNG

Số lượng người làm việc tạm giao tại Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế năm 2025 là: **8.794**

Số người có mặt thực tế của các đơn vị báo cáo là: **6.882**

Số lượng người làm việc chưa sử dụng của đơn vị: **1.912**

Tổng nhu cầu tuyển dụng viên chức: **1.170** chỉ tiêu.

(Bảng tổng hợp Vị trí việc làm/Chức danh nghề nghiệp)

STT	Vị trí việc làm/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Số lượng cần tuyển
	Tổng		1170
1	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	66
2	Y sĩ hạng IV		160
2.1	Cao đẳng Y sĩ đa khoa	V.08.03.07	22
2.2	Cao đẳng Y sĩ y học cổ truyền	V.08.03.07	4
2.3	Trung cấp Y sĩ đa khoa	V.08.03.07	134
3	Điều dưỡng		
3.1	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	285
3.2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	227
4	Hộ sinh		
4.1	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	10
4.2	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	49
5	Kỹ thuật y		
5.1	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	51
5.2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	35
6	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	35

STT	Vị trí việc làm/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Số lượng cần tuyển
7	Công nghệ thông tin		
7.1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	30
7.2	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	4
8	Dinh dưỡng		
8.1	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	9
8.2	Dinh dưỡng hạng IV	V.08.09.26	5
9	Văn thư		
9.1	Văn thư viên	02.007	5
9.2	Văn thư viên trung cấp	02.008	9
10	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	40
11	Dân số		
11.1	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	8
11.2	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	44
12	Chuyên viên	01.003	61
13	Lưu trữ viên trung cấp	V.01.02.03	1
14	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	8
15	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	3
16	Quay phim hạng III	V.11.12.37	1
17	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	11
18	Biên tập viên hạng III	V.11.01.03	1
19	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	1
20	Cán sự	01.004	1
21	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	10

(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

IV. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện

Theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Thông tư số 001/2025/TT-BNV, điều kiện đăng ký dự tuyển như sau:

Người có đủ điều kiện theo quy định của Luật không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo đều được đăng ký dự tuyển viên chức và phải có đủ các điều kiện bắt buộc và đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức (*theo mẫu đính kèm*);
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Tiêu chuẩn

- a) Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

Thực hiện theo các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của Bộ Y tế và các Bộ, Ngành liên quan; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Bộ Y tế về sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư số 03/2022/TT-BYT và Đề án Vị trí việc làm.

- b) Về tin học và ngoại ngữ:

Đảm bảo vị trí việc làm yêu cầu trình độ công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, cụ thể:

- Về tin học:

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng III, Hộ sinh hạng III, Kỹ thuật y hạng III, Y tế công cộng hạng III, Dinh dưỡng hạng III, Dân số viên hạng III, Kỹ sư hạng III, Quay phim hạng III, Phóng viên hạng III, Biên tập viên hạng III, Chuyên viên, Kế toán viên (hạng III), Kỹ thuật viên hạng IV, Công tác xã hội viên, Nhân viên công tác xã hội: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng IV, Hộ sinh hạng IV, Kỹ thuật y hạng IV, Dinh dưỡng hạng IV, Dân số viên hạng IV, Cán

sự, Y sĩ hạng IV, Dược hạng IV, Công nghệ thông tin hạng III, Công nghệ thông tin hạng IV, Văn thư viên, Văn thư viên trung cấp, Lưu trữ viên trung cấp: Không yêu cầu có văn bằng, chứng chỉ về trình độ tin học (không yêu cầu kiểm tra văn bằng, chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm).

- Về ngoại ngữ:

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng III, Hộ sinh hạng III, Kỹ thuật y hạng III, Y tế công cộng hạng III, Dinh dưỡng hạng III, Dân số viên hạng III, Kỹ sư hạng III, Quay phim hạng III, Chuyên viên, Kế toán viên (hạng III), Công nghệ thông tin hạng III, Công tác xã hội viên, Phóng viên hạng III, Biên tập viên hạng III: có khả năng sử dụng Tiếng Anh trình độ Bậc 2 và tương đương; Nhân viên công tác xã hội, Kỹ thuật viên hạng IV: có khả năng sử dụng Tiếng Anh trình độ Bậc 1 trở lên hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Các chức danh nghề nghiệp dự tuyển là Điều dưỡng hạng IV, Hộ sinh hạng IV, Kỹ thuật y hạng IV, Dinh dưỡng hạng IV, Dân số viên hạng IV, Cán sự, Y sĩ hạng IV, Dược hạng IV, Công nghệ thông tin hạng IV, Văn thư viên, Văn thư viên trung cấp, Lưu trữ viên trung cấp: Không yêu cầu có văn bằng, chứng chỉ về trình độ ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm (không yêu cầu kiểm tra văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm).

(Theo nhu cầu tuyển dụng tại Phụ lục 1 đính kèm)

Thực hiện theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức:

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

V. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

1. Hình thức và nội dung tuyển dụng: Xét tuyển.

Việc tuyển dụng được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Vòng 1:

- Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển
- Kiểm tra các vị trí việc làm yêu cầu có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ trong tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng và theo bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm trong kỳ xét tuyển được thực hiện thông qua các văn bằng, chứng chỉ tin học và ngoại ngữ.

Nếu người đăng ký dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ phù hợp thì Hội đồng xét tuyển tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực tin học và ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng (*theo mục 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).

Việc sát hạch để đánh giá năng lực trình độ công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm được thực hiện thông qua bài thi trắc nghiệm:

Hình thức đánh giá: Thông qua bài thi trắc nghiệm trên giấy.

+ Nội dung đánh giá:

Công nghệ thông tin cơ bản, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm, thời gian thi 30 phút.

Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm (ngoại ngữ sử dụng để đánh giá là Tiếng Anh Bậc 2, Tiếng Anh Bậc 1), thời gian thi 30 phút.

+ Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ của người dự tuyển được đánh giá là “**Đạt**” nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên.

Nếu đáp ứng đủ các điều kiện Vòng 1 thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Sau khi kết thúc việc kiểm tra điều kiện của người đăng ký dự tuyển tại Vòng 1, Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

- Hình thức thi: Thi viết (tự luận).

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian chép đề).

- Thang điểm: 100 điểm.

2. Trình tự tuyển dụng và các quy định khác

Thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP; Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

VI. ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

1. Đối tượng và điểm ưu tiên được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả Vòng 2.

2. Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Mục VI thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm Vòng 2.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể:

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Mục VI của Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành tại Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành tại Vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở Y tế quyết định người trúng tuyển.

3. Trường hợp đăng ký 02 nguyện vọng nhưng không trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì được xét ở nguyện vọng 2 nếu vị trí việc làm đăng ký ở nguyện vọng 2 vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét hết nguyện vọng 1, bao gồm cả việc xét nguyện vọng của người có kết quả trúng tuyển thấp hơn liền kề theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

Trường hợp có 02 người trở lên bằng điểm nhau ở nguyện vọng 2 thì người trúng tuyển được xác định theo quy định tại khoản 2 Mục VII.

Trường hợp vị trí việc làm vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét đủ 02 nguyện vọng thì căn cứ vào kết quả thi, Hội đồng thi báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tuyển dụng đối với người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển ở vị trí việc làm tại đơn vị khác nhưng có cùng tiêu chuẩn, điều kiện với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm tại đơn vị còn chỉ tiêu tuyển dụng, cùng Hội đồng thi, cùng áp dụng hình thức thi viết (Vòng 2) và chung đề thi. Người được tuyển dụng trong trường hợp này phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Mục VII. Đối với các vị trí việc làm không có người đăng ký dự tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định việc tuyển dụng theo quy định này.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Quy định số lượng người cần tuyển ở từng vị trí việc làm, trong đó xác định các vị trí việc làm thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng. Các vị trí việc làm thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng phải có tiêu chuẩn, điều kiện giống nhau, cùng Hội đồng thi, áp dụng hình thức thi viết (Vòng 2) và chung đề thi.

Các vị trí việc làm thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng (*chi tiết nhu cầu tuyển dụng tại Phụ lục 2 đính kèm*).

4. Người không được tuyển dụng trong kỳ xét tuyển viên chức quy định tại Mục VII này không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

VIII. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng (*Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai*), trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

3. Địa điểm, hình thức nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- Địa điểm: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Gia Lai
- + Cơ sở 1: số 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai (quây 08 Sở Y tế).
- + Cơ sở 2: số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai (quây 12 Sở Y tế).
- Hình thức: trực tiếp hoặc trực tuyến (có hướng dẫn cụ thể riêng).

4. Người đăng ký dự tuyển viên chức kê khai đầy đủ các nội dung theo yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức và chịu trách nhiệm tính chính xác của các thông tin kê khai và tính hợp pháp của các văn bằng, chứng chỉ. Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Sở Y tế sẽ thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

IX. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

- Thời gian dự kiến nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong tháng 9/2025 (sẽ có thông báo cụ thể sau).
- Sau khi kết thúc việc kiểm tra điều kiện của người dự tuyển tại Vòng 1; Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế thông báo thời gian và địa điểm tổ chức thi Vòng 2 chậm nhất 15 ngày trước khi tổ chức thi.
- Tài liệu, thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển: do Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế quyết định và thông báo trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

X. KINH PHÍ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG VÀ PHÍ TUYỂN DỤNG

1. Kinh phí tổ chức tuyển dụng

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Phí tuyển dụng

Sở Y tế sẽ thông báo phí tuyển dụng sau khi tổng hợp danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng tuyển dụng viên chức gồm 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng, các ủy viên khác (theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết.

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Điều 4 của Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong quá trình tuyển dụng theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

2. Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức Sở Y tế

Sở Y tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban giám sát, gồm: Trưởng ban giám sát, Phó Trưởng ban giám sát, thành viên ban giám sát và thành viên kiêm Thư ký ban giám sát.

Ban giám sát thực hiện việc giám sát kỳ tuyển dụng viên chức theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Thông báo, niêm yết công khai tại trụ sở đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có) về Kế hoạch Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Gia Lai năm 2025 và các văn bản có liên quan của Sở Y tế và của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế.

- Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc; phân công người hướng dẫn tập sự;

lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ viên chức đối với những người trúng tuyển theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch Tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Gia Lai năm 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế kịp thời phản ánh về Sở Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, VP Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng